

 Trái Đất	 hành tinh	惑星 Chúng ta sống trên hành tinh này. 私たちはこの惑星に住んでいます。 レッスン173・宇宙と天体	地球 Chúng ta sống trên Trái Đất. 私たちは地球に住んでいます。 レッスン173・宇宙と天体
 không gian	 thiên hà	銀河 Thiên hà của chúng ta có nhiều ngôi sao. 私たちの銀河にはたくさんの星があります。 レッスン173・宇宙と天体	宇宙 Không có không khí trong không gian. 宇宙には空気がありません。 レッスン173・宇宙と天体
 vũ trụ	 sao chổi	彗星 Tôi đã nhìn thấy một ngôi sao chổi sáng rực. 明るい彗星を見ました。 レッスン173・宇宙と天体	宇宙 Vũ trụ rất rộng lớn. 宇宙はとても広大です。 レッスン173・宇宙と天体
 tiểu hành tinh	 trọng lực	重力 Trọng lực giữ chúng ta ở trên mặt đất. 重力のおかげで、私たちは地面に立っています。 レッスン173・宇宙と天体	小惑星 Tiểu hành tinh lớn đã va vào mặt trăng. その巨大な小惑星が月に衝突しました。 レッスン173・宇宙と天体

 kính thiên văn	 nhật thực	日食 Chúng tôi đã xem nhật thực. 私たちは日食を観察しました。 レッスン173・宇宙と天体	望遠鏡 Tôi nhìn thấy các ngôi sao qua kính thiên văn. 望遠鏡で星を見ます。 レッスン173・宇宙と天体
 quay quanh	 vệ tinh	人工衛星 Vệ tinh quay quanh Trái Đất. その人工衛星は地球の軌道を回っています。 レッスン173・宇宙と天体	公転する Mặt trăng quay quanh hành tinh. 月は惑星の周りを公転しています。 レッスン173・宇宙と天体
 mặt trời	 mặt trăng	月 Tôi nhìn thấy mặt trăng sáng. 明るい月が見えます。 レッスン42・空・太陽・星	太陽 Mặt trời chiếu sáng trên bầu trời. 太陽が空に輝いています。 レッスン42・空・太陽・星
 ngôi sao	 bầu trời	空 Chim bay trên bầu trời. 鳥が空を飛んでいます。 レッスン42・空・太陽・星	星 Tôi nhìn thấy một ngôi sao sáng. 明るい星が見えます。 レッスン42・空・太陽・星

 đám mây	 mưa	雨 Mưa rơi từ trên trời xuống. 空から雨が降っています。 レッスン42・空・太陽・星	雲 Một đám mây đen che khuất mặt trời. 黒い雲が太陽を隠している。 レッスン42・空・太陽・星
 gió	 cơn bão	嵐 Cơn bão mạnh đã làm gãy cây cối. 激しい嵐で木々が折れた。 レッスン42・空・太陽・星	風 Chúng tôi cảm thấy cơn gió lạnh. 冷たい風を感じます。 レッスン42・空・太陽・星
 cầu vồng	 cái bóng	影 Tôi nhìn thấy một cái bóng tối. 暗い影が見えます。 レッスン42・空・太陽・星	虹 Tôi nhìn thấy một chiếc cầu vồng trên bầu trời. 空に虹が出ています。 レッスン42・空・太陽・星
 hoàng hôn	 sấm	雷 Chúng tôi đã nghe thấy tiếng sấm lớn. 大きな雷の音が聞こえました。 レッスン42・空・太陽・星	夕日 Chúng tôi đã ngắm cảnh hoàng hôn tuyệt đẹp. 私たちは美しい夕日を眺めました。 レッスン42・空・太陽・星